Ký bởi: CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
Email: cttdt.vpubnd@bacninh.gov.vn
Ngày ký: 28-03-2025 08:21:35 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do – Hạnh phúc
Số: 529/QĐ-UBND	*Bắc Ninh, ngày 25 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi cơ quan thực hiện/ cơ quan có thẩm quyền quyết định thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nội vụ tỉnh Bắc Ninh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19/02/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Bắc Ninh tại Tờ trình số 25/TTr-SNV ngày 17/3/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 76 thủ tục hành chính (TTHC) sửa đổi cơ quan thực hiện/cơ quan có thẩm quyền quyết định thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nội vụ tỉnh Bắc Ninh.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Các cơ quan, đơn vị thực hiện các nội dung

1. Sở Nội vụ:

- Rà soát, cập nhật đăng tải công khai đầy đủ nội dung TTHC được công bố sửa đổi tại Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; niêm yết công khai TTHC tại nơi tiếp nhận và đơn vị giải quyết theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, xây dựng quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC. Thời hạn hoàn thành 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định.

2. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh:

- Cập nhập nội dung sửa đổi theo nội dung tại Quyết định này trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo quy định.

- Phối hợp với Sở Nội vụ và chỉ đạo Chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp huyện; Điểm tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã niêm yết công khai nội dung TTHC tại nơi tiếp nhận hồ sơ theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/3/2025.

Thủ trưởng các đơn vị: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (VP Chính phủ);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, CVNC.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Quang Khải

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
SỬA ĐỔI CƠ QUAN THỰC HIỆN/CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NỘI VỤ

(Kèm theo Quyết định số 529 ngày 25 / 3 /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

STT	Mã	Tên TTHC	Nội dung sửa đổi		Số Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			Cơ quan thực hiện/cơ quan có thẩm quyền theo QĐ công bố	Cơ quan thực hiện/ cơ quan có thẩm quyền	
I	**LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG**				
1.	1.010788.000.00.00.H05	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	QĐ số 877/QĐ-UBND ngày 05/9/2022
2.	1.010828.000.00.00.H05	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	QĐ số 877/QĐ-UBND ngày 05/9/2022
3.	1.010827.000.00.00.H05	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	QĐ số 877/QĐ-UBND ngày 05/9/2022
4.	1.010823.000.00.00.H05	Hưởng lại chế độ ưu đãi	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	QĐ số 877/QĐ-UBND ngày 05/9/2022
5.	1.010822.000.00.00.H05	Giải quyết chế độ phụ cấp đặc biệt hằng tháng đối với thương binh có tỉ lệ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	QĐ số 877/QĐ-UBND ngày 05/9/2022

STT	Mã	Tên TTHC	Nội dung sửa đổi		Số Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			Cơ quan thực hiện/cơ quan có thẩm quyền theo QĐ công bố	Cơ quan thực hiện/ cơ quan có thẩm quyền	
		tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỉ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên			
6.	1.010809.000.00.00.H05	Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	QĐ số 877/QĐ-UBND ngày 05/9/2022
7.	1.010808.000.00.00.H05	Giải quyết chế độ hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	QĐ số 877/QĐ-UBND ngày 05/9/2022
8.	1.010807.000.00.00.H05	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỉ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	QĐ số 877/QĐ-UBND ngày 05/9/2022
9.	1.010806.000.00.00.H05	Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	QĐ số 877/QĐ-UBND ngày 05/9/2022

STT	Mã	Tên TTHC	Nội dung sửa đổi		Số Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			Cơ quan thực hiện/cơ quan có thẩm quyền theo QĐ công bố	Cơ quan thực hiện/ cơ quan có thẩm quyền	
10.	1.010832.000.00.00.H05	Thăm viếng mộ liệt sỹ	Phòng Lao động- Thương binh và xã hội	Phòng Nội vụ	QĐ số 877/QĐ-UBND ngày 05/9/2022
11.	1.010812.000.00.00.H05	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Phòng Lao động- Thương binh và xã hội	Sở Nội vụ; Phòng Nội vụ	QĐ số 877/QĐ-UBND ngày 05/9/2022
12.	1.010830.000.00.00.H05	Di chuyển hài cốt liệt sỹ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sỹ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Phòng Lao động- Thương binh và xã hội	Sở Nội vụ; Phòng Nội vụ	QĐ số 877/QĐ-UBND ngày 05/9/2022
13.	1.010829.000.00.00.H05	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Phòng Lao động- Thương binh và xã hội	Sở Nội vụ Phòng Nội vụ	QĐ số 877/QĐ-UBND ngày 05/9/2022
14.	1.010825.000.00.00.H05	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Phòng Lao động- Thương binh và xã hội	Sở Nội vụ Phòng Nội vụ	QĐ số 877/QĐ-UBND ngày 05/9/2022
15.	1.010824.000.00.00.H05	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ Phòng Nội vụ	QĐ số 877/QĐ-UBND ngày

STT	Mã	Tên TTHC	Nội dung sửa đổi		Số Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			Cơ quan thực hiện/cơ quan có thẩm quyền theo QĐ công bố	Cơ quan thực hiện/ cơ quan có thẩm quyền	
		cấp ưu đãi từ trần	Phòng Lao động- Thương binh và xã hội		05/9/2022
16.	1.010821.000.00.00.H05	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Phòng Lao động- Thương binh và xã hội	Sở Nội vụ Phòng Nội vụ	QĐ số 877/QĐ-UBND ngày 05/9/2022
17.	1.010820.000.00.00.H05	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Phòng Lao động- Thương binh và xã hội	Sở Nội vụ Phòng Nội vụ	QĐ số 877/QĐ-UBND ngày 05/9/2022
18.	1.010819.000.00.00.H05	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Phòng Lao động- Thương binh và xã hội	Sở Nội vụ Phòng Nội vụ	QĐ số 877/QĐ-UBND ngày 05/9/2022
19.	1.010818.000.00.00.H05	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Phòng Lao động- Thương binh và xã hội	Sở Nội vụ Phòng Nội vụ	QĐ số 877/QĐ-UBND ngày 05/9/2022
20.	1.010817.000.00.00.H05	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Phòng Lao động- Thương binh và xã hội	Sở Nội vụ Phòng Nội vụ	QĐ số 877/QĐ-UBND ngày 05/9/2022

STT	Mã	Tên TTHC	Nội dung sửa đổi		Số Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			Cơ quan thực hiện/cơ quan có thẩm quyền theo QĐ công bố	Cơ quan thực hiện/ cơ quan có thẩm quyền	
21.	1.010816.000.00.00.H05	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Phòng Lao động- Thương binh và xã hội	Sở Nội vụ Phòng Nội vụ	QĐ số 877/QĐ-UBND ngày 05/9/2022
22.	1.010814.000.00.00.H05	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Phòng Lao động- Thương binh và xã hội	Sở Nội vụ Phòng Nội vụ	QĐ số 877/QĐ-UBND ngày 05/9/2022
23.	1.010811.000.00.00.H05	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Phòng Lao động- Thương binh và xã hội	Sở Nội vụ Phòng Nội vụ	QĐ số 877/QĐ-UBND ngày 05/9/2022
24.	1.010810.000.00.00.H05	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Phòng Lao động- Thương binh và xã hội	Sở Nội vụ Phòng Nội vụ	QĐ 877/QĐ-UBND ngày 05/9/2022
25.	1.010805.000.00.00.H05	Giải quyết chế độ ưu đãi	Sở Lao động - Thương binh	Sở Nội vụ	QĐ 877/QĐ-UBND

STT	Mã	Tên TTHC	Nội dung sửa đổi		Số Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			Cơ quan thực hiện/cơ quan có thẩm quyền theo QĐ công bố	Cơ quan thực hiện/ cơ quan có thẩm quyền	
		đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	và Xã hội Phòng Lao động- Thương binh và xã hội	Phòng Nội vụ	ngày 05/9/2022
26.	1.010804.000.00.00.H05	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ Phòng Nội vụ	QĐ 877/QĐ-UBND ngày 05/9/2022
27.	1.010803.000.00.00.H05	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ Phòng Nội vụ	QĐ 877/QĐ-UBND ngày 05/9/2022
28.	1.010815.000.00.00.H05	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	QĐ 877/QĐ-UBND ngày 05/9/2022
29.	1.010802.000.00.00.H05	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	QĐ 877/QĐ-UBND ngày 05/9/2022
30.	1.010801.000.00.00.H05	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	QĐ 877/QĐ-UBND ngày 05/9/2022
31.	1.010826.000.00.00.H05	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	QĐ 591/QĐ-UBND ngày 19/5/2023

STT	Mã	Tên TTHC	Nội dung sửa đổi		Số Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			Cơ quan thực hiện/cơ quan có thẩm quyền theo QĐ công bố	Cơ quan thực hiện/ cơ quan có thẩm quyền	
		có công			
32.	2.001157.000.00.00.H05	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Sở Nội vụ; Sở Lao động-Thương binh và Xã hội; Phòng nội vụ;	Sở Nội vụ Phòng Nội vụ	QĐ 2305/QĐ-UBND ngày 11/12/2023
33.	2.002308.000.00.00.H05	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Phòng Lao động- Thương binh và xã hội	Sở Nội vụ Phòng Nội vụ	QĐ 2305/QĐ-UBND ngày 11/12/2023
34.	2.001396.000.00.00.H05	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Sở Nội vụ; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	QĐ 2305/QĐ-UBND ngày 11/12/2023
35.	1.004964.000.00.00.H05	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chia	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Phòng Lao động- Thương binh và xã hội	Sở Nội vụ Phòng Nội vụ	Quyết định số 349/QĐ-UBND ngày 27/02/2025
II	**Lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước**				
36.	2.002028.000.00.00.H05	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 22/12/2023
37.	2.002105.000.00.00.H05	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số,	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 22/12/2023

STT	Mã	Tên TTHC	Nội dung sửa đổi		Số Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			Cơ quan thực hiện/cơ quan có thẩm quyền theo QĐ công bố	Cơ quan thực hiện/ cơ quan có thẩm quyền	
		người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng			
38.	1.005132.000.00.00.H05	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28/02/2022
39.	1.000502.000.00.00.H05	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng dưới 90 ngày	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 11/12/2023
III	**Lĩnh vực Lao động**				
40.	1.009467.000.00.00.H05	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 27/7/2021
41.	1.009466.000.00.00.H05	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 27/7/2021

STT	Mã	Tên TTHC	Nội dung sửa đổi		Số Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			Cơ quan thực hiện/cơ quan có thẩm quyền theo QĐ công bố	Cơ quan thực hiện/ cơ quan có thẩm quyền	
42.	1.000414.000.00.00.H05	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 27/7/2021
43.	1.000436.000.00.00.H05	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 27/7/2021
44.	1.000448.000.00.00.H05	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 27/7/2021
45.	1.000464.000.00.00.H05	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 27/7/2021
46.	1.000479.000.00.00.H05	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 27/7/2021
47.	2.001955.000.00.00.H05	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 27/7/2021
48.	1.004949.000.00.00.H05	Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 09/4/2018

STT	Mã	Tên TTHC	Nội dung sửa đổi		Số Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			Cơ quan thực hiện/cơ quan có thẩm quyền theo QĐ công bố	Cơ quan thực hiện/ cơ quan có thẩm quyền	
		nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu			
IV	**Lĩnh vực Việc làm**				
49.	1.009874.000.00.00.H05	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 27/7/2021
50.	1.009873.000.00.00.H05	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 27/7/2021
51.	1.009811.000.00.00.H05	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (cấp Tỉnh).	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 25/10/2023
52.	1.001823.000.00.00.H05	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 27/7/2021
53.	1.001853.000.00.00.H05	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 27/7/2021
54.	1.001865.000.00.00.H05	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 27/7/2021

STT	Mã	Tên TTHC	Nội dung sửa đổi		Số Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			Cơ quan thực hiện/cơ quan có thẩm quyền theo QĐ công bố	Cơ quan thực hiện/ cơ quan có thẩm quyền	
55.	1.000362.000.00.00.H05	Thông báo về việc tìm việc làm hằng tháng	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 30/06/2016
56.	1.001881.000.00.00.H05	Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 30/06/2016
57.	2.000148.000.00.00.H05	Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm	Trung tâm dịch vụ việc làm/Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Trung tâm dịch vụ việc làm/Sở Nội vụ	Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 12/4/2024
58.	2.000839.000.00.00.H05	Giải quyết hỗ trợ học nghề	Trung tâm dịch vụ việc làm/Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Trung tâm dịch vụ việc làm/Sở Nội vụ	Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 12/4/2024
59.	1.000401.000.00.00.H05	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đến)	Trung tâm dịch vụ việc làm/Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Trung tâm dịch vụ việc làm/Sở Nội vụ	Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 12/4/2024
60.	2.000178.000.00.00.H05	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đi)	Trung tâm dịch vụ việc làm/Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Trung tâm dịch vụ việc làm/Sở Nội vụ	Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 12/4/2024
61.	1.001966.000.00.00.H05	Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 12/4/2024
62.	2.001953.000.00.00.H05	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp	Trung tâm dịch vụ việc làm/Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Trung tâm dịch vụ việc làm/Sở Nội vụ	Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 12/4/2024

63.	1.001973.000.00.00.H05	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 12/4/2024
64.	1.001978.000.00.00.H05	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp	Trung tâm dịch vụ việc làm/Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 12/4/2024
65.	2.000219.000.00.00.H05	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 25/10/2023
66.	1.000459.000.00.00.H05	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 25/10/2023
67.	2.000192.000.00.00.H05	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 25/10/2023
68.	2.000205.000.00.00.H05	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 25/10/2023
69.	1.000105.000.00.00.H05	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 25/10/2023
V	**Lĩnh vực An toàn, vệ sinh lao động**				

70.	2.000134.000.00.00.H05	Khai báo với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 25/10/2023
71.	2.000111.000.00.00.H05	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho doanh nghiệp	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	Quyết định số 1364/QĐ-UBND ngày 01/10/2020
72.	2.002343.000.00.00.H05	Hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	Quyết định số 1364/QĐ-UBND ngày 01/10/2020
73.	2.002341.000.00.00.H05	Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	Quyết định số 1364/QĐ-UBND ngày 01/10/2020
74.	1.005450.000.00.00.H05	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	Quyết định số 850/QĐ-UBND

		chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập).			ngày 06/6/2019

75.	1.005449.000.00.00.H05	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	Quyết định số 850/QĐ-UBND ngày 06/6/2019
VI	**Lĩnh vực tiền lương**				
76.	2.001949.000.00.00.H05	Xếp hạng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu (hạng Tổng công ty và tương đương, hạng	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ	Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 09/4/2018

		I, hạng II và hạng III			

Tổng cộng: 76 thủ tục hành chính./.